

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 132/2012/TT-BTC

*Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2012***THÔNG TƯ****Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
đối với phao tròn cứu sinh dự trữ quốc gia**

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Dự trữ quốc gia ngày 29 tháng 4 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 196/2004/NĐ-CP ngày 02/12/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Dự trữ quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với phao tròn cứu sinh dự trữ quốc gia.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với phao tròn cứu sinh dự trữ quốc gia.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2012, thay thế Thông tư số 60/2009/TT-BTC ngày 26/3/2009 của Bộ Tài chính ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự trữ nhà nước đối với phao tròn cứu sinh.

Điều 3. Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, nhập, xuất và bảo quản phao tròn cứu sinh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**Nguyễn Hữu Chí**

QCVN 05: 2012/BTC**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
ĐỐI VỚI PHAO TRÒN CỨU SINH DỰ TRỮ QUỐC GIA**
*National technical regulation on national reserve of ring life buoy***Lời nói đầu**

QCVN 05: 2012/BTC thay thế QCVN 05: 2009/BTC;

QCVN 05: 2012/BTC do Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với phao tròn cứu sinh dự trữ quốc gia biên soạn, Tổng cục Dự trữ Nhà nước trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số 132/2012/TT-BTC ngày 13 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA ĐỐI VỚI PHAO TRÒN CỨU SINH DỰ TRỮ QUỐC GIA

*National technical regulation on national reserve of ring life buoy
(Ban hành kèm theo Thông tư số 132/2012/TT-BTC ngày 13/8/2012
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

1. Quy định chung

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định những yêu cầu kỹ thuật, vận chuyển, kiểm tra, giao nhận, tổ chức mua, bán, đấu thầu, đấu giá, bảo quản, xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật (nhập, xuất, bảo quản) và công tác quản lý đối với phao tròn cứu sinh dự trữ quốc gia.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc quản lý; giao nhận, tổ chức mua, bán, đấu thầu, đấu giá, xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và bảo quản phao tròn cứu sinh dự trữ quốc gia.

1.3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. Phao tròn cứu sinh là loại phao khép kín, tiết diện ngang có hình elíp, cốt phao (ruột phao) làm bằng vật liệu nổi, vỏ ngoài là nhựa Polyetylen tỷ trọng cao (HDPE) có màu da cam. Dây bám và băng vật liệu phản quang gắn tại 4 vị trí đối xứng nhau theo chu vi của phao tròn cứu sinh (sau đây viết tắt là phao tròn).

1.3.2. Lô phao tròn cứu sinh là số lượng quy định phao tròn có cùng ký hiệu, cùng kích thước, được sản xuất từ cùng nguyên liệu, theo cùng một phương pháp, trong khoảng thời gian nhất định, được Đăng kiểm và giao nhận cùng một thời điểm. Mỗi lô phao tròn giao nhận không lớn hơn 5000 chiếc.

2. Quy định kỹ thuật

2.1. Yêu cầu kỹ thuật đối với phao tròn dự trữ quốc gia

2.1.1. Vật liệu

2.1.1.1. Ruột phao tròn làm từ Polyurethane - Foam hoặc Styrofoam.

2.1.1.2. Vỏ bọc ngoài phao tròn làm từ nhựa HDPE dày từ 1,5mm đến 2,8mm, có màu da cam.

2.1.2. Kích thước chính và khối lượng phao tròn

2.1.2.1. Phao tròn kiểu thứ nhất

Kích thước mặt cắt ngang thân phao (chiều rộng x chiều dài): (110 x 140) mm ± 7 mm;

Đường kính ngoài của phao: 720 mm ± 10 mm;

Đường kính trong của phao: 440 mm ± 10 mm;

Khối lượng của phao: 2650 g ± 150 g.

2.1.2.2. Phao tròn kiểu thứ hai

Kích thước mặt cắt ngang thân phao (chiều rộng x chiều dài): (100 x 150) mm ± 7 mm;

Đường kính ngoài của phao: 750 mm ± 10 mm;

Đường kính trong của phao: 450 mm ± 10 mm;

Khối lượng của phao: 2950 g ± 150 g.

2.1.3. Bảng vật liệu phản quang có chiều rộng 50 mm ± 1 mm, là loại dùng cho hàng hải.

2.1.4. Dây bám là dây Polyeste có đường kính 10,5 mm ± 1 mm, chiều dài bằng bốn lần đường kính ngoài của phao tròn và được bắt chặt vào phao tròn theo bốn dây cung bằng nhau.

2.1.5. Tính nổi

Phao tròn phải thỏa mãn theo quy định tại 3.2.1.

2.1.6. Độ bền

Phao tròn phải thỏa mãn theo quy định tại 3.2.1.

2.1.7. Khả năng chịu lửa

Phao tròn phải thỏa mãn theo quy định tại 3.2.1.

2.1.8. Khả năng chịu dầu

Phao tròn phải thỏa mãn theo quy định tại 3.2.1.

2.1.9. Độ bền màu vỏ phao

Độ bền màu đạt cấp 4 sau 200 giờ chiếu sáng.

2.1.10. Yêu cầu kỹ thuật của phao tròn dự trữ quốc gia

Phải phù hợp những quy định trong TCVN 7283: 2008 *Phao tròn cứu sinh*.

2.1.11. Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước quyết định lựa chọn kiểu phao tròn, vật liệu làm ruột phao.

2.2. Yêu cầu về nhà kho

- Phải là loại kho kín, có tường bao, mái che chống nắng mưa gió bão, trần chống nóng.

- Nền kho phẳng, cứng, chịu được tải trọng tối thiểu 3,0 tấn/m².

- Kho được trang bị đủ quạt thông gió để bảo đảm trong kho luôn được khô ráo, thoáng mát; có dụng cụ đo nhiệt độ, độ ẩm không khí.

- Phải có hệ thống chống chim, chuột, phòng trừ môi và sinh vật gây hại khác, có hệ thống điện chiếu sáng phục vụ công tác bảo quản, bảo vệ.

- Phải xa các nguồn hóa chất, nơi dễ cháy nổ, đường điện cao thế, hạn chế tối đa bụi bẩn, bức xạ nhiệt. Có nội quy, phương tiện và phương án phòng cháy chữa cháy, phòng chống bão lụt.

3. Phương pháp thử

3.1. Lấy mẫu

Mẫu được lấy ngẫu nhiên trong quá trình giao nhận và bảo quản để kiểm tra ngoại quan phao tròn tối thiểu là 2% số lượng phao tròn của lô hàng nhưng không ít hơn 20 chiếc;

Trong số phao tròn đã lấy để kiểm tra ngoại quan lấy ngẫu nhiên 5% để kiểm tra nội dung sau:

- Kiểm tra các chỉ tiêu vật liệu làm phao tròn và kiểm tra độ bền màu của vỏ phao tròn.

3.2. Phương pháp thử

3.2.1. Tính nổi, độ bền, khả năng chịu lửa, khả năng chịu dầu: Theo TCVN 7283: 2008 *Phao tròn cứu sinh*.

3.2.2. Độ bền màu: Theo TCVN 5466: 2002 *Vật liệu dệt - Phương pháp xác định độ bền màu - Phần A02: Thang màu xám để đánh giá sự thay đổi màu*.

4. Thủ tục giao nhận và bảo quản phao tròn cứu sinh

4.1. Vận chuyển

- Phương tiện vận chuyển có thùng chứa hàng được che mưa nắng và sạch sẽ.

- Trước khi xếp phao tròn lên xe hoặc đưa phao tròn xuống kê xếp vào kho, phải chuẩn bị các phương tiện, dụng cụ vận chuyển, không được lôi kéo hàng hóa, tránh xây sát kiện phao tròn. Các kiện phao tròn xếp lên xe theo phương thẳng

đứng và chằng buộc cẩn thận, không vận chuyển chung với hóa chất và các chất dễ gây bẩn làm ảnh hưởng đến chất lượng phao tròn;

- Trong quá trình vận chuyển hàng hóa phải có đầy đủ giấy tờ hợp lệ theo quy định, đảm bảo an toàn hàng hóa.

4.2. Quy trình kiểm tra khi nhập kho

4.2.1. Kiểm tra hồ sơ kỹ thuật

4.2.1.1. Đối với phao tròn do cơ sở trong nước sản xuất, cần kiểm tra

- Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất phương tiện cứu sinh (còn hiệu lực);
- Giấy chứng nhận kiểu sản phẩm (còn hiệu lực).

4.2.1.2. Đối với phao tròn do nước ngoài sản xuất được nhập khẩu vào Việt Nam, cần kiểm tra: Giấy chứng nhận kiểu sản phẩm (còn hiệu lực).

4.2.1.3. Đối với lô phao tròn (sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu) cần kiểm tra

- Biên bản kiểm tra;
- Giấy chứng nhận;
- Nội dung biên bản kiểm tra, Giấy chứng nhận nêu rõ: Loại sản phẩm (ký mã hiệu nếu có), nơi (cơ sở) sản xuất, công dụng, phạm vi sử dụng, ngày sản xuất và các đặc tính kỹ thuật đảm bảo yêu cầu kỹ thuật quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này.

4.2.1.4. Giấy chứng nhận kiểu sản phẩm do Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp; Giấy chứng nhận và biên bản kiểm tra lô hàng do Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc các đơn vị trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp (sau đây gọi là Đăng kiểm).

4.2.2. Kiểm tra sản phẩm khi giao nhận

4.2.2.1. Kiểm tra bao gói

Mỗi phao tròn được đựng trong một túi màng nhựa Polyetylen (PE). Các túi đựng phải mới, sạch sẽ, không thủng rách và rộng hơn đường kính phao tròn. Mỗi kiện phao tròn gồm 5 phao tròn đóng trong bao dệt bằng vật liệu PP, bao phải mới nguyên, sạch, không bị xơ, thủng, nứt, miệng bao khâu chắc chắn, kín, phao ở trong không bị xô xệch và đảm bảo mỹ thuật. Ngoài bao ghi: Kiểu sản phẩm, tên cơ sở sản xuất, ngày sản xuất, số lượng phao tròn.

4.2.2.2. Kiểm tra số lượng

Số lượng phao tròn trong mỗi lô hàng phải phù hợp với số lượng phao tròn ghi trong biên bản kiểm tra và Giấy chứng nhận do Đăng kiểm cấp. Tổng số phao tròn giao nhận đúng với số lượng trong hợp đồng đã ký.

4.2.2.3. Kiểm tra ngoại quan

Số phao tròn được kiểm tra ngoại quan trong quá trình giao nhận tối thiểu là 2% nhưng không ít hơn 20 chiếc. Nội dung kiểm tra gồm:

4.2.2.3.1. Kiểm tra nhãn hiệu, bề mặt phao tròn

Bề mặt phao tròn phải nhẵn mịn, màu không bị phai.

- Đối với phao tròn do cơ sở trong nước sản xuất nhãn hiệu phao tròn phải ghi đầy đủ các nội dung theo quy định:

- + Tên cơ sở sản xuất;
- + Ký hiệu của phao tròn;
- + Số lô;
- + Tiêu chuẩn, quy phạm;
- + Ngày tháng năm sản xuất (hoặc ngày tháng năm xuất xưởng);
- + Dấu nghiệm thu KCS của cơ sở sản xuất;
- + Ấn chỉ và số kiểm tra của Đăng kiểm.

Các nội dung ghi trên phải phù hợp với nội dung ghi trong Giấy chứng nhận lô hàng do Đăng kiểm cấp;

- Đối với phao tròn nhập khẩu, phải phù hợp với biên bản kiểm tra và Giấy chứng nhận lô hàng do Đăng kiểm cấp.

4.2.2.3.2. Kiểm tra kích thước, khối lượng và các chi tiết kèm theo

- Các thông số kỹ thuật cơ bản của phao tròn phù hợp với yêu cầu tại điểm 2.1.2;
- Dây bám, vật liệu phản quang phải có đủ và đúng quy cách.

4.2.2.4. Kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng phao tròn

- Lấy ngẫu nhiên 5% số lượng phao tròn nêu tại điểm 4.2.2.3 để kiểm tra các chỉ tiêu vật liệu làm phao tròn và kiểm tra độ bền màu của vỏ phao tròn (nếu Giấy chứng nhận do Đăng kiểm Việt Nam cấp chưa nêu vật liệu để sản xuất vỏ, ruột và độ bền màu của vỏ phao tròn);

- Trong số mẫu lấy đi kiểm tra không đảm bảo chất lượng thì tiến hành kiểm tra thêm 5% số phao tròn tiếp theo;

Nếu sau hai lần kiểm tra không đạt thì đơn vị nhập hàng lập biên bản không chấp nhận lô hàng, yêu cầu nhà sản xuất thay lô hàng khác và kiểm tra lại theo quy định.

4.3. Bảo quản

4.3.1. Kệ xếp phao tròn trong kho

Phao tròn được quy hoạch theo lô, để riêng từng chủng loại, từng thời gian nhập và xếp theo các quy định sau:

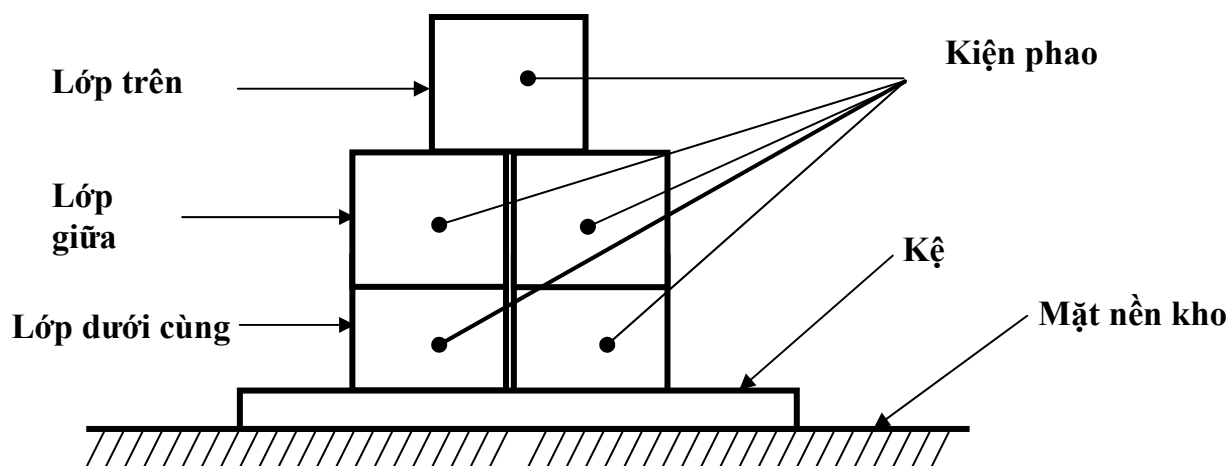
Kệ hoặc tầng dưới cùng của giá cách mặt nền kho tối thiểu 0,3 m. Các tầng của giá phải cách nhau tối thiểu một kiện hàng khi xếp phao tròn theo phương thẳng đứng (vòng tròn má phao tròn nằm trên mặt phẳng ngang để các phao tròn chồng lên nhau); hoặc đủ không gian để được một kiện khi để kiện nằm nghiêng (chu vi ngoài của phao tròn tiếp xúc với giá, các phao tròn xếp áp vào nhau);

Giá đỡ có 3 tầng, làm bằng kim loại đảm bảo chắc chắn và thuận tiện trong bảo quản.

Giá hoặc kệ để cách tường, cột nhà kho tối thiểu 0,5m. Giữa 2 hàng giá hoặc các lô của kệ phải cách nhau tối thiểu 1,5m, tạo lối đi hợp lý trong kho;

Đỉnh của lô phao tròn cách trần kho tối thiểu 2m.

Để đảm bảo an toàn và chắc chắn, khi xếp phao tròn trên kệ theo phương thẳng đứng thì xếp từ 3 lớp phao tròn đến 4 lớp phao tròn chồng lên nhau theo phương thức: Lớp dưới cùng và lớp giữa có 2 kiện phao tròn xếp sát vào nhau theo phương thẳng đứng và 1 kiện phao tròn ở trên cùng khóa vào giữa 2 kiện (xem hình 1).



Hình 1. Cách thức xếp phao trên giá

Đánh ký hiệu các lớp kiện phao tròn để thuận lợi cho công việc bảo quản.

Các kiện phao tròn phải được sắp xếp ngay ngắn, chắc chắn, dễ quan sát, dễ kiểm đếm.

4.3.2. Thẻ lô hàng

Mỗi lô hàng xếp trong kho có dính một thẻ và tối thiểu phải có các nội dung sau:

- Ký hiệu sản phẩm;
- Quy cách;
- Tên cơ sở sản xuất, địa chỉ;
- Ngày sản xuất;
- Số lượng;
- Ngày nhập kho.

4.3.3. Bảo quản

4.3.3.1. Bảo quản thường xuyên

Hàng ngày kiểm tra kho, nhiệt độ và độ ẩm, nếu thấy có biến động (phao tròn bị đổ, có chuột, kho bị dột...) thì tìm hiểu nguyên nhân và chủ động có biện pháp xử lý kịp thời, nếu vượt quá khả năng và quyền hạn thì báo cáo ngay với lãnh đạo đơn vị hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý để có biện pháp giải quyết;

Mỗi tuần tối thiểu hai lần dùng chổi mềm hoặc máy hút bụi (ở những nơi có điều kiện) tiến hành làm sạch bụi bẩn, mạng nhện... xung quanh, phía ngoài kiện phao tròn, giá kê hàng, nền, trần kho.

4.3.3.2. Bảo quản định kỳ

Ba tháng một lần tiến hành đảo các kiện phao tròn theo tuần tự "trên xuống, dưới lên", mỗi kiện phao tròn đều được thay đổi vị trí theo thời gian. Nếu kiện phao tròn xếp theo chiều thẳng đứng thì kiện dưới cùng đảo lên trên cùng, kiện trên cùng đảo xuống giữa, kiện giữa đảo xuống dưới cùng. Nếu phao tròn xếp nghiêng trên giá cũng phải đảo và cứ 3 tháng một lần xoay 90⁰ theo chiều kim đồng hồ.

Mỗi năm một lần dỡ toàn bộ số phao tròn bảo quản trong kho ra, dùng giẻ mềm, sạch, khô hoặc máy hút bụi làm sạch cẩn thận từng chiếc phao tròn, làm sạch trong, ngoài bao bì, rồi đóng thành từng kiện phao tròn (gồm 5 chiếc) để bảo quản như ban đầu, đồng thời tiến hành tổng vệ sinh kho tàng, sửa chữa cửa và các thiết bị trong kho (nếu cần thiết).

4.3.3.3. Từ sau thời điểm hết hạn bảo hành, thì định kỳ 1 năm một lần Cục Dự trữ Nhà nước khu vực lấy ngẫu nhiên tối thiểu 1 mẫu đi kiểm tra các chỉ tiêu theo quy định tại điểm 2.1.5, 2.1.6, 2.1.7, 2.1.8 và báo cáo kết quả về Tổng cục Dự trữ Nhà nước.

4.4. Xuất hàng

4.4.1. Khi có lệnh xuất hàng, thủ kho phải chuẩn bị đủ sổ sách, giấy tờ có liên quan và nhân lực bốc xếp.

4.4.2. Kiểm tra chất lượng, số lượng hàng dự kiến xuất.

4.4.3. Xuất hàng theo nguyên tắc: Hàng nhập trước xuất trước, hàng nhập sau xuất sau.

4.4.4. Xuất đúng số lượng, đúng chủng loại.

4.4.5. Khi xuất hàng xong phải hoàn chỉnh các thủ tục, chứng từ giao nhận theo đúng quy định.

4.5. Chế độ ghi chép sổ sách theo dõi hàng hóa

4.5.1. Lập thẻ kho

Đối với từng kho, sau khi hoàn thiện nhập kho, mỗi kiểu phao tròn được lập một thẻ kho theo mẫu số S21 - H ban hành kèm theo Thông tư số 213/2009/TT-BTC ngày 10/11/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn kế toán áp dụng cho dự trữ nhà nước;

Thẻ kho được để trong hộp tài liệu, trong kho hàng.

4.5.2. Sổ bảo quản

Dùng ghi chép hàng ngày hoặc đột xuất về tình hình công tác bảo quản hàng hóa, diễn biến về số lượng, chất lượng; nhiệt độ, độ ẩm không khí trong kho. Sổ phải đóng dấu giáp lai, ghi đủ các nội dung theo mẫu, có đủ các thành phần ký tên và đóng dấu đơn vị.

5. Quy định về quản lý

5.1. Phao tròn nhập kho dự trữ nhà nước

Phao tròn nhập kho dự trữ nhà nước phù hợp với các quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này.

Tổ chức cung cấp có trách nhiệm bảo hành tối thiểu 36 tháng tính từ ngày ký biên bản nghiệm thu đối với phao tròn cứu sinh nhập kho dự trữ nhà nước.

Trước thời gian hết hạn bảo hành, Cục Dự trữ Nhà nước khu vực tiến hành lấy ngẫu nhiên tối thiểu 1 mẫu để thử các chỉ tiêu theo quy định tại điểm 2.1.5, 2.1.6, 2.1.7, 2.1.8; Nếu không đảm bảo chất lượng thì yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp phao tròn có trách nhiệm thay thế phao tròn mới đảm bảo chất lượng.

5.2. Phòng thử nghiệm chất lượng

Kiểm tra vật liệu làm phao tròn và kiểm tra độ bền màu của vỏ phao tròn tại một trong các Phòng thử nghiệm được Đăng kiểm Việt Nam công nhận hoặc Phòng thử nghiệm VILAS.

5.3. Thời gian từ khi sản xuất phao tròn đến khi nhập kho dự trữ nhà nước

Không quá 9 tháng, kể cả thời gian vận chuyển.

5.4. Thời gian lưu kho

Trong điều kiện nhiệt độ và độ ẩm bình thường (nhiệt độ không quá 35°C, độ ẩm không khí không quá 85%) thời gian bảo quản phao tròn nhập kho dự trữ nhà nước không quá 8 năm.

6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

6.1. Các tổ chức, cá nhân cung cấp phao tròn cho dự trữ nhà nước có trách nhiệm cung cấp sản phẩm có chất lượng phù hợp với quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này.

6.2. Cục Dự trữ nhà nước khu vực có trách nhiệm chỉ đạo Chi cục Dự trữ nhà nước trực thuộc giao nhận và bảo quản phao tròn cứu sinh theo đúng quy định của Quy chuẩn này.

7. Tổ chức thực hiện

7.1. Quy chuẩn này được áp dụng để tổ chức giao nhận, mua, bán, đấu thầu, đấu giá, bảo quản, xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và thực hiện các hoạt động khác liên quan đến dự trữ quốc gia.

7.2. Tổng cục Dự trữ Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Quy chuẩn này.

7.3. Trong trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.